

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 17- 7- 2026.

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Thành và bà Đinh Thị Hà Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng H, sinh năm 1988; căn cước công dân số 044088013133, cấp ngày 05/11/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ thường trú: Thôn V, xã N, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ liên lạc: số B đường N, phường T, thành phố Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Ngọc O, sinh năm 1990; căn cước công dân số 046190009094, cấp ngày 06/11/2025 tại Bộ Công an; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố M, phường D, thành phố Huế. Địa chỉ tạm trú: B728K4/7, ấp B, xã V, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về yêu cầu thuận tình ly hôn đề ngày 04/9/2025, anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O tìm hiểu nhau được 01 năm, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Anh H và chị O đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, anh chị sống ly thân nhau đã lâu nên anh H và chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị O không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh H và chị O khai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H và chị O khai vợ chồng không có nợ chung.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị O vắng mặt, có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu nên Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế căn cứ vào khoản 2 Điều 367, khoản 5 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn và thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” với số thụ lý vụ án 277/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2025 để giải quyết theo quy định của pháp luật, xác định anh Hoàng H là nguyên đơn, chị Phan Thị Ngọc O là bị đơn.

Ngày 18/6/2026, chị O gửi bản tự khai với nội dung thông nhất như lời khai của anh Hoàng H, đồng ý ly hôn và xác nhận không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Đồng thời, chị O có gửi đơn xin vắng mặt trong suốt thời gian tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Ngày 04/9/2025, anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O cùng ký đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn và được Tòa án thụ lý. Quá trình giải quyết vụ việc, chị O không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án đình chỉ giải quyết việc dân sự và thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình để giải quyết là đúng quy định của pháp luật, đồng thời xác định anh H là nguyên đơn và chị O là bị đơn là đúng tư cách tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng H, cho anh H được ly hôn với chị Phan Thị Ngọc O.

- Về con chung: Anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O đều xác nhận không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O đều xác nhận không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 04/9/2025, anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O cùng ký đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết việc hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị O vắng mặt, có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu nên Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế căn cứ vào khoản 2 Điều 367, khoản 5 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn và thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” với số thụ lý vụ án 277/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2025 để giải quyết theo quy định của pháp luật, xác định anh Hoàng H là nguyên đơn, chị Phan Thị Ngọc O là bị đơn là đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ngày 19/6/2026, chị Phan Thị Ngọc O có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của chị O là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O tìm hiểu nhau được được một thời gian, đến ngày ngày 30/01/2013 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị), vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị O chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát do bất đồng quan điểm sống và cách nhìn cuộc sống không phù hợp nên thường hay cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị O đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh H được ly hôn với chị O.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị O không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh H khẳng định số tiền nộp tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự trước đây là tiền của anh H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng H được ly hôn với chị Phan Thị Ngọc O.

- Về con chung: Anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O xác nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Hoàng H và chị Phan Thị Ngọc O không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Buộc anh Hoàng H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm mà anh H và chị O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000558 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Hoàng H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Gianh, tỉnh Quảng Trị (ĐKKH số 19 ngày 30/01/2013 tại xã Quảng Văn cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Quang Bình

